

HƯỚNG DẪN CHẤM THI*(Bản hướng dẫn chấm thi gồm 03 trang)***A. Hướng dẫn chung**

1. Nếu thí sinh làm bài theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm thi vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn quy định.
2. Việc chi tiết hoá điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.
3. Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,50 điểm (*lẻ 0,25 điểm làm tròn thành 0,50 điểm; lẻ 0,75 điểm làm tròn thành 1,00 điểm*).

B. Đáp án và thang điểm

Câu	Đáp án	Điểm
Câu I <i>(3,0 đ)</i>	1. Tóm tắt các đặc điểm nổi bật của thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam nước ta (1,5 điểm)	
	- Thiên nhiên mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa.	0,25
	- Khí hậu có tính chất cận xích đạo gió mùa (<i>dẫn chứng</i>).	0,50
	- Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu là đới rừng cận xích đạo gió mùa (<i>dẫn chứng</i>).	0,50
	- Các đặc điểm tự nhiên khác (<i>thí sinh chỉ ra được ít nhất 1 đặc điểm khác</i>).	0,25
	2. Nhận xét sự phân bố dân cư nước ta theo bảng số liệu. Nguyên nhân Tây Bắc có mật độ dân số thấp nhất cả nước (1,5 điểm)	
	a) Nhận xét sự phân bố dân cư nước ta theo bảng số liệu	
	Mật độ dân số chênh lệch rất lớn giữa các vùng (<i>dẫn chứng</i>).	0,50
	b) Nguyên nhân Tây Bắc có mật độ dân số thấp nhất cả nước	
	- Có những khó khăn về tự nhiên:	
+ Địa hình – đất đai mang đặc điểm của miền núi, cao nguyên gây nhiều khó khăn cho cuộc sống và các hoạt động kinh tế – xã hội (<i>diễn giải</i>).	0,25	
+ Các nhân tố khác (<i>thí sinh chỉ ra được ít nhất 1 nhân tố tự nhiên khác</i>).	0,25	
- Có những khó khăn về kinh tế – xã hội:		
+ Nhân tố kinh tế: trình độ phát triển thấp, hoạt động nông, lâm nghiệp là chủ yếu.	0,25	
+ Các nhân tố khác (<i>thí sinh chỉ ra được ít nhất 1 nhân tố kinh tế – xã hội khác</i>).	0,25	

Câu II (3,5 đ)	1. Vẽ biểu đồ và nhận xét sự thay đổi giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta trong thời kì 2000 – 2007 (2,5 điểm)	
	a) Vẽ biểu đồ - Vẽ biểu đồ cột đơn, mỗi năm một cột. Các loại biểu đồ khác không cho điểm. - Vẽ đúng yêu cầu của biểu đồ cột, có đủ các yếu tố: các cột, tên biểu đồ, chú giải thời gian và giá trị sản xuất (có thể dùng hệ trục hoặc lập bảng chú giải), không bắt buộc ghi số liệu vào các cột. - Tên biểu đồ và chú giải mỗi yếu tố cho 0,25 điểm. - Đúng mỗi cột cho 0,25 điểm. <i>* Trường hợp không có chú giải hoặc chú giải sai thì giám khảo đối chiếu tương quan tỉ lệ giữa các cột với số liệu các năm đã cho. Nếu thấy phù hợp thì cho điểm các cột đã vẽ theo biểu điểm trên.</i>	1,50
	b) Nhận xét Thời kì 2000 – 2007, giá trị sản xuất nông nghiệp nước ta: - Tăng liên tục (dẫn chứng). - Tăng không đều (dẫn chứng).	0,50 0,50
	2. Trình bày sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành (1,0 điểm)	
	- Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác và công nghiệp sản xuất, phân phối điện – khí đốt – nước (dẫn chứng). - Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến (dẫn chứng).	0,50 0,50
Câu III (3,5 đ)	1. Chứng minh Tây Nguyên là vùng có thuận lợi về tự nhiên để phát triển cây công nghiệp lâu năm (1,5 điểm)	
	- Đất đai + Diện tích đất có khả năng trồng cây công nghiệp lâu năm rộng lớn. + Có nhiều loại đất tốt, đặc biệt đất badan thuận lợi cho việc phát triển cây công nghiệp lâu năm. + Nhiều vùng đất tốt tập trung cho phép sản xuất với quy mô lớn.	0,25 0,25 0,25
	- Khí hậu + Khí hậu cận xích đạo gió mùa, thuận lợi cho sự phát triển của cây trồng và việc bảo quản sản phẩm. + Khí hậu có sự phân hóa theo độ cao, thích hợp cho các cây công nghiệp nhiệt đới và cận nhiệt đới.	0,25 0,25
	- Các thuận lợi về tự nhiên khác (thí sinh nêu thêm được ít nhất 1 ý ngoài các ý trên).	0,25
	2. Kể tên 2 vườn quốc gia ở Bắc Trung Bộ, 2 thắng cảnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ. Khó khăn về tự nhiên đối với phát triển nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ (1,0 điểm)	
a) Kể tên 2 vườn quốc gia ở Bắc Trung Bộ, 2 thắng cảnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ - Kể tên 2 vườn quốc gia ở Bắc Trung Bộ. - Kể tên 2 thắng cảnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.	0,25 0,25	

b) Nêu những khó khăn về tự nhiên đối với phát triển nông nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ	
- Khó khăn từ đặc điểm khí hậu (<i>diễn giải</i>).	0,25
- Khó khăn từ đặc điểm địa hình, đất đai...(<i>diễn giải</i>).	0,25
3. Thế mạnh phát triển ngành thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long (1,0 điểm)	
- Thế mạnh tự nhiên	
+ Thuận lợi cho việc khai thác (<i>tài nguyên thủy sản, môi trường khai thác</i>).	0,25
+ Thuận lợi cho việc nuôi trồng (<i>diện tích mặt nước, môi trường nuôi trồng, con giống...</i>).	0,25
- Thế mạnh kinh tế – xã hội	
+ Thuận lợi về lao động, thị trường (<i>diễn giải</i>).	0,25
+ Thuận lợi về cơ sở vật chất – kỹ thuật, cơ sở hạ tầng và các yếu tố khác.	0,25

-----Hết-----